

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 18 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đỗ Thị Hà.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật
2. Bà Bùi Phương Hoa

- Thư ký phiên tòa:

Ông Lê Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 219/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Văn Đ – Sinh ngày 14/4/1996; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ và một con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 01 – QĐ/XPVPHC ngày 08/01/2017 của Công an xã Nam Hà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền do có hành vi sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 08/01/2017; Nhân thân: Bản án số 70/2017/HSST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng

tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn đã tạm giam từ 03/02/2017 đến ngày 03/5/2017; bị tạm giữ từ ngày 29/10/2017 đến ngày 01/11/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Nguyễn Minh Đ – Sinh ngày 08/8/1997; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị O; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/10/2017 đến ngày 01/11/2017 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn H, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Đỗ Căn C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Anh Đ, anh C và chị H đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2017, chị Phạm Thị H đến nhà Đoàn Văn Đ chơi, một lúc sau, Đoàn Văn Đ điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen biển số 17B8-200.43 ra ngoài mua thuốc lá thì gặp Nguyễn Minh Đ tại khu vực đường liên thôn thuộc thôn Hữu Vi Nam, xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Nguyễn Minh Đ rủ Đoàn Văn Đ đi mua ma túy về cùng sử dụng, Đoàn Văn Đ đồng ý. Nguyễn Minh Đ đưa cho Đoàn Văn Đ 400.000 đồng để mua ma túy. Đoàn Văn Đ điều khiển xe máy chở Nguyễn Minh Đ về nhà Đoàn Văn Đ đón chị H đi cùng, cả hai nói với chị H là đi lên thành phố Thái Bình chơi. Khi đi đến khu vực cổng bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình thì Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ xuống xe. Đoàn Văn Đ bảo chị H đợi Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ vào thăm bạn nên chị H điều khiển xe máy ra khu vực đường Trần Hưng

Đạo, thành phố Thái Bình để xem quần áo, còn Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ đi bộ vào trong bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình gặp một người nam giới khoảng 40 tuổi không quen biết. Đoàn Văn Đ hỏi mua của người này 400.000 đồng được 02 gói ma túy đá rồi đưa ma túy cho Nguyễn Minh Đ. Nguyễn Minh Đ cầm giấu vào túi quần bên phải rồi cả hai cùng đi bộ ra cổng bệnh viện chờ chị H tới đón thì bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là anh Nguyễn Trung Đ và anh Đỗ Văn C, Nguyễn Minh Đ tự giác lấy từ túi quần bên phải phía trước 02 túi ma túy giao nộp cho tổ công tác. Tổ công tác mở kiểm tra bên trong đều có chứa chất tinh thể màu trắng. Kiểm tra người Nguyễn Minh Đ thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và số tiền 1.000.000 đồng, kiểm tra người Đoàn Văn Đ thu giữ 01 điện thoại Nokia 1035 màu đen.

Tại bản kết luận giám định số 419/KLGĐ-PC54 ngày 29/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận : *“Chất dạng tinh thể trong suốt trong phong bì niêm phong ghi vật chứng thu giữ của Nguyễn Minh Đ là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,4139 gam”*

Bản cáo trạng số 09/KSĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ đều khai báo về hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Đoàn Văn Đ: Áp dụng Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt tại bản án số 70/2017/HSST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của cả hai bản án là 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017, được trừ đi thời hạn tạm giam trước đó từ ngày 03/02/2017 đến 03/5/2017.

- Đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ: Áp dụng Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật Hình sự và 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; Trả lại bị cáo Đoàn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1305 màu đen, trả lại bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và số tiền 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/10/2017, Nguyễn Minh Đ rủ Đoàn Văn Đ đi mua ma túy đá về sử dụng chung, Đoàn Văn Đ đồng ý. Nguyễn Minh Đ bỏ ra số

tiền 400.000 đồng, đưa cho Đoàn Văn Đ và Đoàn Văn Đ dùng xe máy chở Nguyễn Minh Đ lên thành phố Thái Bình để mua ma túy. Khi đi Đoàn Văn Đ còn chở cả H đi cùng nhưng Nguyễn Minh Đ và Đoàn Văn Đ không nói cho H biết về việc đi mua túy. Khi đến cổng bệnh viện H điều khiển xe máy đi chơi, còn Nguyễn Minh Đ và Đoàn Văn Đ đi vào bên trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình. Đoàn Văn Đ là người trực tiếp giao dịch và mua ma túy của một người không quen biết được 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng và đưa gói ma túy cho Nguyễn Minh Đ cầm. Khi Nguyễn Minh Đ và Đoàn Văn Đ đi ra ngoài cổng bệnh viện đợi H đến đón thì bị lực lượng công an phát hiện và bắt giữ. Trọng lượng ma túy giám định là 1,4139 gam Methamphetamin. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm trực tiếp phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, đi ngược lại với cuộc đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy của Nhà nước. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý và niêm phong vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử thấy theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, cụ thể: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

c) Heroine, Cocaine, Methamphetanmine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Quy định này có hình phạt nhẹ hơn so với Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, cụ thể: *“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”*. Do hành vi của các bị cáo thực hiện trước ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng được đưa ra xét xử sau ngày 01/01/2018 nên theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ đều khai báo thành khẩn nên đều được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Minh Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Nguyễn Minh Đ tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện ma túy. Còn bị cáo Đoàn Văn Đ có một tiền sự và có nhân thân xấu. Các bị cáo thực hiện loại tội phạm đang là một vấn nạn mà xã hội lên án rất gay gắt, Nhà nước đang ra sức ngăn chặn. Do vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một cách nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn và vai trò của các bị cáo trong vụ án là ngang nhau, bởi bị cáo Nguyễn Minh Đ là người rủ rê, là người bỏ tiền để mua ma túy nhưng Đoàn Văn Đ là người trực tiếp dùng phương tiện chở Nguyễn Minh Đ đi mua, là người trực tiếp giao dịch mua bán ma túy. Tuy nhiên, do bị cáo Đoàn Văn Đ là người có nhân thân xấu nên bị cáo Đoàn Văn Đ phải

chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Minh Đ.

[6] Tại bản án đã có hiệu lực pháp luật số 70/2017/HSST ngày 10/11/2017, bị cáo Đoàn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn đã tạm giam từ ngày 03/02/2017 đến ngày 03/5/2017. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo Đoàn Văn Đ.

[7] Do các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: Theo quy định tại Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1305 màu đen quản lý của bị cáo Đoàn Văn Đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và số tiền 1.000.000 đồng quản lý của bị cáo Nguyễn Minh Đ do không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[9] Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được người bán ma túy cho bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ nên không có căn cứ để xử lý. Đối với chị Phạm Thị H, ngày 28/10/2017, đi cùng với Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ lên khu vực cổng bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình nhưng chị H không biết việc Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ đi mua ma túy về sử dụng nên không bị xử lý là đúng pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 46, 47, 56, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106; 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Đoàn Văn Đ.

Căn cứ Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 7; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 46, 47, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Bị cáo Đoàn Văn Đ phải chấp hành hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 70/2017/HSST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Tổng hợp hình phạt của hai bản án, buộc Đoàn Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017, được trừ đi thời hạn đã bị tạm giam trong vụ án trước từ 03/02/2017 đến ngày 03/5/2017.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017.

4. Về xử lý vật chứng : Tịch thu toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định chứa trong phong bì niêm phong vật chứng số 419/KLGD-PC54 để tiêu hủy.

Trả lại bị cáo Đoàn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1305 màu đen. Trả lại bị cáo Nguyễn Minh Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen và số tiền 1.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 29/12/2017).

5. Về án phí: Bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đoàn Văn Đ và Nguyễn Minh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/01/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- UBND xã N;
- Trại giam CA tỉnh Thái Bình
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà